TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **57**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thanh Tâm**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Thanh Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 636/2019/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Chị **Nguyễn Thị D** - Sinh ngày 16/4/1989; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, thị xã S, thành phố Hà Nội; Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện A, thành phố Hà Nội. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2019, các lời khai bổ sung, chị Nguyễn Thị D - nguyên đơn trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 25/11/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A, Hà Nội. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị về nhà anh Đ chung sống cùng gia đình anh Đ tại Thôn Đ, xã V, huyện A, Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến tháng 3/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày. Đến tháng 4/2015 thì chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở

và sinh sống. Sau đó, vợ chồng lại quay về chung sống được một thời gian đến năm 2016 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chị xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/2/2013. Hiện con chung đã ăn ở sinh sống cùng chị tại Sơn Tây, Hà Nội. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại Công ty Panasonic – khu công nghiệp Bắc Thăng Long thu nhập bình quân là 6.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và chị cũng không trình bày hay kê khai gì.

***** Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn nhưng anh Đ không có mặt. Anh Đ vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, hòa giải nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh Đ. Ngày 08/1/2020, anh Đ có gửi ý kiến của anh về việc anh Đồng ý ly hôn chị D và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

+ Chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ ; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/2/2013, ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của chị D là hợp pháp, việc chị D xin ly hôn anh Đ, anh Đ đồng ý là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/2/2013. Ly hôn, giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D

không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị D phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật**:

Chị Nguyễn Thị D có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 25/11/2011 tại UBND xã V, huyện A, Hà Nội. Chị D xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ hiện đang cư trú tại Thôn Đ, xã V, huyện A, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng**:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2020 cho anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ có đơn xin vắng mặt. Do vậy Toà án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] **Về nội dung**:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 tại UBND xã V, huyện A, Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 4/2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng chị D, anh Đ đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị D, anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/2/2013. Nay con chung đang ăn ở, học tập và sinh sống với chị D. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Chị D trình bày hiện nay chị làm công nhân tại Công ty Panasonic – khu công nghiệp Bắc Thăng Long thu nhập bình quân là 6.000.000đ/tháng.

Anh Đ không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình về vấn đề con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D: Chị D có thu nhập và chỗ ở ổn định. Hiện nay chị D vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu M đã ăn ở sinh sống ổn định với chị D từ năm 2015 đến nay. Cháu M còn nhỏ, là con gái do đó cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ hơn. Từ những căn cứ trên, căn cứ vào thực tế, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn Đ. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/2/2013. Giao cháu Nguyễn Thị Trà M cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có

sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0015165 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Thịnh Quang Thắng

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã V
- Lưu hồ sơ.